

THUYẾT MINH

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH

STT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
1.	<p>Phần mở đầu:</p> <p>Điều lệ này của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (dưới đây gọi là “Công ty”), là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>Điều lệ này được Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông tổ chức vào ngày tháng năm 2018</p>	<p>Phần mở đầu:</p> <p>Điều lệ này của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (dưới đây gọi là “Công ty”), là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.</p> <p>Điều lệ này được Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông tổ chức vào ngày.... tháng năm 2021</p>	Sửa đổi luật áp dụng theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
2.	<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>Điểm b Khoản 1: “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p>	<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>Điểm b Khoản 1: “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.</p> <p>Bổ sung khái niệm “Người có quan hệ gia đình: (g). “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.</p>	<p>Thay đổi theo Luật Doanh nghiệp có hiệu lực hiện hành.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại Khoản 22 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
3.	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty:</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty:</p> <p>4. Công ty có hai (02) đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc là</p>	Điều chỉnh theo mô hình quản lý hiện tại của Tập đoàn FPT và phù hợp với

		những đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của những người đại diện theo pháp luật của Công ty được quy định tại Điều lệ này và trong Quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Trường hợp việc phân chia quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật đối với một vấn đề cụ thể chưa được quy định rõ trong Điều lệ hoặc Quy chế quản trị nội bộ của Công ty thì mỗi người đại diện theo pháp luật của Công ty đều là đại diện đủ thẩm quyền của doanh nghiệp trước bên thứ ba; tất cả người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm liên đới đối với thiệt hại gây ra cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.	hoạt động kinh doanh của Công ty
5.	Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty Bổ sung “Hoạt động trung gian tiền tệ khác.”	Bổ sung ngành nghề kinh doanh đã đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội
6.	Điều 13. Quyền của cổ đông 1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <i>Điều 129</i> của Luật Doanh nghiệp; 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau: d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy	Điều 13. Quyền của cổ đông 3. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <i>Điều 132</i> của Luật Doanh nghiệp; 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ	Điều chỉnh dẫn chiếu theo đúng nội dung Luật Doanh nghiệp. Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp

	<p>chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỉ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỉ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	
7.	<p>Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông Bổ sung nội dung: 5. Bảo mật các thông tin được cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 119 Luật Doanh nghiệp</p>
8.	<p>Điều 15. Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xin Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường: b. Trường hợp Hội đồng Quản trị</p>	<p>Điều 15. Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường:</p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 139, Điểm b Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p>

	<p>không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định <i>Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</i>.</p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định <i>Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</i>.</p>	<p>b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định <i>Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</i>.</p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định <i>Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</i>.</p>	
<p>9.</p>	<p>Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>o. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một trong số các đơn vị này;</p>	<p>Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao, <i>thường và các lợi ích khác</i> của các thành viên Hội đồng Quản trị, <i>Ban kiểm soát</i>;</p> <p>o. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này; <i>quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi thấy cần thiết</i>;</p> <p>Bổ sung nội dung: <i>"p. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ,</i></p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Điểm k, m, l Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp</p>

		<i>quy chế hoạt động trong Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát. "</i>	
10.	<p>Điều 17. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản <i>theo mẫu của Công ty</i> và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p>	<p>Điều 17. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản <i>phù hợp với quy định của pháp luật dân sự, phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền</i> và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p>	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
11.	<p>Điều 18. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p>	<p>Điều 18. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy</p>	Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

		ý kiến bằng văn bản.	
12.	<p>Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông <i>trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng</i>.</p>	<p>Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông.</p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</p>
13.	<p>Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông</p>	<p>Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông</p>	

	<p>1. Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự.</p>	<p>1. Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 trên đây, Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự.</p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 3 Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p>
14.	<p>Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người có thể làm chủ tọa thì Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng Cổ</p>	<p>Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được</p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 6 Điều 146 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp</p>

	<p>đồng bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p><i>Trường hợp khác</i>, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều khiển Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>người có thể làm chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p><i>Trừ các trường hợp quy định trên đây</i>, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều khiển Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp</p>	
15.	<p>Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị <i>và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</i></p> <p>5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua.</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, <i>người đại diện theo pháp luật của Công ty</i>, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <i>ít nhất 51% (năm mươi một phần</i></p>	<p>Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.</p> <p>5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua <i>và tỉ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.</i></p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <i>trên 50% (năm mươi phần</i></p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Điểm g, Khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Điều chỉnh theo quy định tại Điểm đ Khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Điều chỉnh theo Điểm e Khoản 5 Điều 149</p> <p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>

	<p><i>trăm</i>) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, trừ những trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 22 của Điều lệ này.</p>	<p><i>trăm</i>) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, trừ những trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 22 của Điều lệ này.</p>	
16.	<p>Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng Cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng Cổ đông. Biên bản Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi Đại hội đồng Cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng Cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng Cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng Cổ đông. Biên bản Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi Đại hội đồng Cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng Cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có họ, tên và chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. <i>Trường hợp Chủ tọa cuộc họp, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.</i> Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp</p>
17.	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết <i>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</i> có quyền</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại</p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</p>

	<p>gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	
18.	<p>Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>i. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại <i>Khoản 1 Điều 130</i> của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>o. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) nhưng không vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm k, khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này và <i>khoản 1 và khoản 3 Điều 162</i> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>i. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại <i>Khoản 1 Điều 133</i> của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>o. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) nhưng không vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm k, khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này và <i>khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 167</i> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với dẫn chiếu tại Luật Doanh nghiệp.</p>
19.	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn</p>	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn</p>	<p>Điều chỉnh theo thực tế</p>

	<p>trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch. <i>Trừ khi Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác</i>, Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.</p> <p>3. Trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ nhiệm hoặc ngày bị bãi nhiệm. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch. <i>Trừ khi pháp luật cho phép và được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn</i>, Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.</p> <p>3. Trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ nhiệm hoặc ngày bị bãi nhiệm. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền <i>hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định</i> thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p>
--	--	--	--

20.	<p>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất 05 (năm) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng <i>bưu điện, fax, thư điện tử</i> hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất 05 (năm) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng <i>giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử</i> hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp</p>
8.	<p>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Tổng giám đốc Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p>	<p>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. <i>Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị, các quyết định, chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.</i> Tổng giám đốc Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p>	<p>Điều chỉnh theo mô hình quản lý hiện tại của Công ty.</p> <p>Điều chỉnh theo Điểm b Khoản 5 Điều 162 Luật</p>

	<p>c. Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đại diện phần vốn góp nhà nước tại Công ty.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng Quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động</p>	<p>c. Tổng giám đốc không được là Người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên của Công ty và của Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty và Công ty mẹ.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 03 (ba) năm trừ khi Hội đồng Quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p>	<p>Doanh nghiệp</p> <p>Điều chỉnh theo mô hình quản lý hiện tại của Công ty</p>
<p>9.</p>	<p>Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p>Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn hoặc vi phạm các nghĩa vụ của người quản lý Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 165 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>10.</p>	<p>Điều 38. Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 38. Ban kiểm soát</p> <p>1. Công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>(g). Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng</p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 3 Điều 170 Luật Doanh nghiệp</p>

		quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông	
11.	<p>Điều 39. Thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. <i>Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. Các thành viên Ban Kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Ban Kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp.</i></p> <p>Không có mục (3).</p>	<p>Điều 39. Thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. <i>Số lượng cụ thể thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</i></p> <p>3. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác; Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải 	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Điều chỉnh theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp</p>

	<p>4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết <i>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng</i> có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng viên và từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm ứng viên.</p> <p>6. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>là cổ đông hoặc người lao động của công ty; e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng viên và từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm ứng viên.</p> <p>6. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 03 (ba) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Điều chỉnh theo mô hình quản lý hiện tại của Công ty.</p>
12.	<p>Điều 49. Con dấu</p> <p>2. Công ty có trách nhiệm thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 49. Con dấu</p> <p>Bỏ khoản 2</p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Điều 43 Luật Doanh nghiệp</p>
13.	<p>Điều 55. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 55 điều và Phụ lục 01 kèm theo, được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Viễn thông FPT nhất trí thông</p>	<p>Điều 55. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 55 điều và Phụ lục 01 kèm theo, được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Viễn thông FPT nhất</p>	<p>Điều chỉnh theo thực tế ban hành</p>

	<p>qua ngày tháng ... năm 2018 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ này được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</p> <p>b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố;</p> <p>c. 04 bản được lưu trữ tại Văn phòng Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p>	<p>trí thông qua ngày tháng ... năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 04 bản, có giá trị như nhau và được lưu trữ tại Văn phòng Công ty.</p> <p>3. Bản Điều lệ này thay thế cho bản Điều lệ đã được ngày 01/6/2018 và là bản Điều lệ duy nhất và chính thức của Công ty kể từ ngày ký./.</p>	
14.	<p>Phần ký</p> <p>Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị./.</p> <p>(Chữ ký của các cổ đông sáng lập)</p>	<p>Phần ký</p> <p>NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT</p>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 Luật Doanh nghiệp</p>
15.	<p>Phụ lục 01</p> <p>2. Người đại diện tham gia quản lý phần vốn góp Nhà nước là Ông Nguyễn Quốc Trị và Bà Chu Thị Thanh Hà.</p>	<p>Phụ lục 01</p> <p>1. Bổ sung hai lần tăng vốn cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 08/2019 tăng lên 2.487.724.840.000 VNĐ: Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu; - 08/2020 tăng lên 2.736.464.610.000 VNĐ: Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. <p>2. Người đại diện tham gia quản lý phần vốn góp nhà nước là Ông Hoàng Nam Tiến và Ông Phạm Công Minh</p>	<p>Bổ sung theo thực tế hoạt động</p> <p>Thay đổi theo thực tế hoạt động.</p>